TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2024/DSST
Ngày: 22-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 694/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 (Theo giấy ủy quyền số 2642/2023/UQ-TGĐ ngày 21/8/2023).

2. Bị đơn: Bà Phan Hồng Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/9/2023 và bản tự khai, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/6/2020, bà Đ có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 163.082.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 188.615.102 đồng rồi ngưng không thanh toán nữa (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/4/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 22/4/2024, bà Đ còn nợ các khoản sau:

Dư nợ gốc : 0 đồng

Lãi quá hạn : 26.396.099 đồng

Tổng cộng: 26.396.099 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Đ có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Đ vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng yêu cầu trả số tiền trên cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Và bà Đ có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bà Đ là bị đơn mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đ không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Đ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn cư ngụ tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân quận G theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bà Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Đ đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/6/2020; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S có cơ sở để xác định giữa bà Đ và Ngân hàng có xác lập giao dịch tín dụng, theo đó Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Đ với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất và phí theo Biểu phí áp dụng chung cho các sản phẩn dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Việc xác lập giao dịch tín dụng giữa Ngân hàng và bà Đ là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận tại Điều 19 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S có hiệu lực từ ngày 29/11/2019, bà Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào trước ngày đến hạn được ghi trong Thông báo giao dịch. Nhưng từ khi kích hoạt thẻ đến nay, bà Đ chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 188.615.102 đồng rồi ngưng không thanh toán nữa. Như vậy bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 22/4/2024 là 26.396.099 đồng, trong đó nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.396.099 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thời hạn thanh toán: Do bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử nghĩ cần buộc bà Đ phải trả số tiền trên cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/4/2024 bà Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Đ phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.319.805 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 149, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phan Hồng Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 22/4/2024 là 26.396.099 đồng trong đó, nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.396.099 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/4/2024 bà Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Đ phải tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.319.805 đồng bà Phan Hồng Đ phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S là 659.902 đồng theo biên lai thu số 0012853 ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nhung